TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192 /2024/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 3 - 2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

2. Ông Nguyễn Ron

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1969

Đồng trú tại: 48 Lê D, phường L, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị L có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Đức T cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Tp. Q vào ngày 23/4/1998. Quá trình chung sống bà và ông T không hạnh phúc, hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên căng thẳng không thể nào hàn gắn được, mặc dù bà hết sức cố gắng. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn là do hai bên không cùng quan điểm sống, sống không hợp, hai bên hay có lời qua tiếng lại. Hiện tại tuy sống chung một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân từ 02 năm nay, hai bên mạnh ai nấy sống, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Năm 2023 bà có nộp đơn ly hôn nhưng vì gia đình, các con và ông Tân hứa sẽ thay đổi nên bà rút đơn; nhưng khi về sống chung mâu thuẫn hai bên vẫn không cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai bên không thể tiếp

tục sống chung được nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Bà với ông T có 03 con chung là các chị: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Kỳ D, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2000. Hiện tại các chị: T, D, D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T: Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2024 ông T trình bày: Về hôn nhân: Ông thống nhất về thời gian cưới, thời gian đăng ký kết hôn như bà Nguyễn Thị L trình bày; hai bên cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Tp. Q vào năm 1998. Theo ông T sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì do bất đồng quan điểm sống, hai bên thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt; bà L ham chơi với bạn bè, ăn nhậu không quan tâm đến chồng và gia đình; cũng vì lý do này nên ông nhiều lần lớn tiếng nhắc nhở nhưng bà L không thay đổi. Hiện tại, tuy sống chung một nhà nhưng sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đên ai. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng nhưng ông không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến gia đình, công việc làm ăn, quan hệ bạn bè.

- Về con chung: Ông với bà L có 03 con chung là các chị: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Kỳ D, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2000. Hiện tại các chị: T, D, D đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với ông Nguyễn Đức Tân, trú tại: 48 Lê D, phường L, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[1.2] Về vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Tp. Q vào ngày 23/4/1998 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L trình bày, sau khi cưới cho đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên căng thẳng không thể nào hàn gắn được, mặc dù bà hết sức cố gắng; nguyên nhân là do hai bên không cùng quan điểm sống, sống không hợp nhiều lần có lời qua tiếng lại rồi dần dần hai bên không còn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ 02 năm nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Năm 2023 bà có nộp đơn ly hôn nhưng vì gia đình, các con và ông T hứa sẽ thay đổi nên bà rút đơn nhưng khi về sống chung mâu thuẫn hai bên vẫn không cải thiện, ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung được nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống riêng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L kiên quyết đòi ly hôn vì hai bên sống ly thân trong thời gian dài, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau; ông T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng nhưng không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến gia đình, công việc làm ăn, quan hệ bạn bè. Tuy nhiên ông T không đưa ra biện pháp để hàn gắn gia đình điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí trong xây dựng hạnh phúc gia đình với bà L. Nhận thấy tình cảm giữa bà L và ông T thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa bà L và ông T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà L và ông T có 03 con chung là chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; chị Nguyễn Thị Kỳ D, sinh năm 1996; chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2000. Hiện tại các chị: T, D, D đã trưởng thành,

tự lo được cuộc sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L và ông T không yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa không xem xét giải quyết

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; chị Nguyễn Thị Kỳ D, sinh năm 1996; chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2000. Hiện tại các chị: T, D, D đã trưởng thành, có khả năng lao động. Bà L và ông T không yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000490 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (bà L đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Nguyễn Văn Cừ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ung Quang Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Thúy **Nguyễn Ron** **Ung Quang Định**